

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/DS-PT

Ngày 06 -8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2019/TLPT-DS ngày 13-12-2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, Sinh năm 1954; địa chỉ: Số 3/17 đường L, phường Ô, quận Đ, thành phố H.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Vũ Thị V, Sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn N, huyện G, tỉnh N. (Văn bản ủy quyền ngày 18-5-2020).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị O, Sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ dân phố số 5B, thị trấn N, huyện G, tỉnh N.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà O :* Ông Tạ Anh T - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư B và Liên Danh, Đoàn luật sư thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Mai Văn L, Sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ dân phố số 5B, thị trấn N, huyện G, tỉnh N.

- Bà Vũ Thị V, Sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn N, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà V có mặt, bà O, ông L, bà T, Luật sư T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 09-01-2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là chị chồng Bà Vũ Thị V, đầu tháng 6 năm 2009 Bà V có điện thoại hỏi bà chị có tiền nhàn rỗi cho em vay 500 triệu đồng để em cho bà O L ở khu 5B thị trấn N vay với lãi suất 1,5% 1 tháng. Thời hạn vay thỏa thuận miệng là 06 tháng, số lãi Bà V xin bà để nuôi con. Sau vài ngày Bà V đến nhà bà nhận số tiền là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng), bà O viết giấy biên nhận vay bà số tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) vào ngày 8-6-2009. Cuối năm 2009 bà hỏi Bà V lấy số tiền để sửa nhà, Bà V nói với bà là đã đòi bà O nhiều lần nhưng bà O khát chưa có tiền để trả. Vì vậy bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà O phải trả cho bà số tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Do điều kiện công việc bận nên bà ủy quyền cho Bà V tham gia tố tụng để giải quyết vụ án.

* Tại tự khai ngày 20-12-2017 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Vũ Thị V trình bày: Bà và Bà Trần Thị O không có quan hệ họ hàng gì mà chỉ là chỗ quen biết bạn bè qua lễ hội đền chùa. Bà O là người dẫn đạo và hướng thiện nên bà cùng nhiều người dân lân cận ngưỡng mộ và rất tin tưởng. Biết gia đình anh em nhà bà nhiều người đôi khi có tiền nên bà O hay nhờ bà huy động tiền của anh em họ hàng cho bà O vay để kinh doanh. Năm 2009 bà O có biết Bà Nguyễn Thị T (là chị gái chồng bà) có số tiền nhàn rỗi nên bà O có bảo bà vay bà T hộ bà O. Ngày 07-6-2009 bà đã lấy 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) của Bà Nguyễn Thị T để đưa cho bà O vay (giữa bà O và bà T không quen biết nhau), thỏa thuận lãi suất 1,5%/ tháng ghi trong giấy biên nhận, thời hạn vay 06 tháng nhưng chỉ thỏa thuận miệng không ghi vào giấy biên nhận. Ngày 08-6-2009 khi giao nhận tiền, bà O đã viết giấy biên nhận ký tên vay của bà T. Số tiền lãi này bà T cho bà được lấy để bà lo cho các con ăn học và sau khi ra trường có công ăn việc làm ổn định, khi nào bà cần lấy cả tiền gốc và tiền lãi thì báo trước 10 ngày để cho bà O biết và chuẩn bị. Nhưng thực tế bà O chưa trả bà cả số tiền gốc và số tiền lãi. Nay bà đề nghị bà O phải thanh toán cho bà T số tiền gốc là 420.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật.

* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn là Bà Trần Thị O trình bày: Bà và Bà Nguyễn Thị T không quen biết nhau, bà công nhận giấy biên nhận ngày 08-6-2009 có trong hồ sơ là do bà viết và ký xác nhận nhưng giấy biên nhận này do bà viết sai không có họ tên, không có địa chỉ, không có thời hạn vay nên không có giá trị, vì vậy bà đã loại đi cách đây gần 10 năm rồi nên bà

không nhớ là vay bà T nào. Bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà về khoản tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) là hoàn toàn không có căn cứ. Nếu bà vay tiền bà Nguyễn Thị T giấy vay nợ bà phải ghi rõ họ tên địa chỉ của người cho vay và khi vay phải hẹn ngày trả còn người vay phải ghi rõ họ tên đầy đủ của bà, đối với giấy vay nợ này chỉ có mỗi chữ ký, không ghi họ tên đầy đủ nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T.

* Tại bản tự khai ngày 15-01-2018 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Mai Văn L trình bày: Vợ chồng ông không liên quan và không vay Bà Nguyễn Thị T số tiền 420.000.000 đồng. Giấy biên nhận vay tiền mà bà T làm căn cứ khởi kiện vợ ông là giấy biên nhận đã bị loại bỏ tại nhà ông và đã bị mất cắp. Nay Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện vợ ông về việc tranh chấp tài sản, ông khẳng định vợ ông không vay tài sản của bà T .

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Căn cứ vào Điều 471, 474 và 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số: 03/2012/NQ - HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T .

Buộc Bà Trần Thị O phải trả cho Bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, lãi suất chậm trả do chậm thi hành bản án và biện pháp thi hành án.

Ngày 27-9-2019 Bà Trần Thị O là bị đơn, Ông Mai Văn L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xem xét đánh giá chứng cứ không khách quan, không toàn diện vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bị đơn về các căn cứ pháp lý, vi phạm về tố tụng cũng như nội dung bản án. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận lý do kháng cáo của bà O, ông L, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Bà Trần Thị O, Ông Mai Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã gửi bản luận cứ tự bảo vệ quyền lợi của bị đơn Trần Thị O ngày 29 tháng 7 năm 2020 cho Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định thể hiện rõ ý kiến, quan điểm của bà O, ông L.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Tại phiên tòa bà O, ông L, Luật sư T vắng mặt không có lý do chính đáng và có bản luận cứ gửi cho Tòa án, có thể xem xét đây thuộc trường hợp đề nghị xét xử vắng mặt họ theo khoản 3 Điều 296 BLTTDS.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, xác định Bà Nguyễn Thị T khởi kiện Bà Trần Thị O phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà T số tiền gốc là 420.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của bà O, ông L là không có cơ sở chấp nhận. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của Bà Trần Thị O và Ông Mai Văn L:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T đã ủy quyền cho Bà Vũ Thị V tham gia tố tụng tại Tòa án nên việc vắng mặt của bà T tại phiên tòa phúc thẩm không ảnh hưởng đến việc xét xử của vụ án, Bà Trần Thị O và Ông Mai Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 4 lần đến tham gia phiên tòa và đã có 3 đơn xin hoãn phiên tòa nhưng xét thấy lý do hoãn phiên tòa ngày 06-8-2020 là không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, Luật sư T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, bà O, ông L, Luật sư T. Tòa án cấp sơ thẩm còn có những thiếu sót sau cần rút kinh nghiệm như hồ sơ vụ án không có biên bản giao thông báo về việc thụ lý vụ án, biên bản giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, biên bản giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, biên bản giao quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự, biên bản giao bản án cho nguyên đơn.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo lời khai của Bà Nguyễn Thị T và bà Vũ Thị V, giấy biên nhận vay tiền thời hạn trả thỏa thuận miệng là 06 tháng. Bà Trần Thị O yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số: 03/2012/NQ - HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trong trường hợp này yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi không được giải quyết vì đã hết thời hiệu còn đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là hoàn toàn chính xác.

[3] Xét nội dung kháng cáo của Bà Trần Thị O và Ông Mai Văn L cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xem xét đánh giá chứng cứ không khách quan, không toàn diện vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bị đơn thấy rằng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Bà Trần Thị O phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà T số tiền đã vay là 420.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Nội dung của hợp đồng vay tiền giữa bà T và bà O được thể hiện bằng tài liệu, chứng cứ là giấy biên nhận ghi ngày 08 tháng 6 năm 2009 do chính bà O viết và ký được lưu tại hồ sơ bút lục số 14. Ngoài ra tại bản tự khai ngày 31-01-2018 bà O cũng khẳng định chữ viết ở giấy biên nhận do bà viết ra nhưng bà không thừa nhận bà có vay bà T 420.000.000 đồng với lý do giấy biên nhận đó do bà viết sai, không có họ tên, địa chỉ, không có thời hạn vay vì vậy bà đã loại bỏ. Mặc dù giữa bà T và bà O không quen biết nhau nhưng thông qua Bà Vũ Thị V là em dâu bà T nên bà T đã đưa cho Bà V số tiền 420.000.000 đồng để đưa cho bà O vay chính vì vậy bà O mới viết giấy biên nhận vay của bà T số tiền 420.000.000 đồng. Ngoài ra nếu bà O không vay tiền của bà T thông qua Bà V thì tại sao ngày 19 tháng 4 năm 2010 bà O lại chốt nhận nợ với bà Vi, hai bên đã thống nhất chuyển đổi hai số tiền của hai giấy biên nhận trong đó có số tiền 420.000.000 đồng bà T đã cho Bà V để cho bà O vay nợ. Do đó khẳng định việc bà O có vay của bà T số tiền 420.000.000 đồng là sự việc có thật. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà T khởi kiện đòi bà O phải thanh toán trả số tiền vay gốc 420.000.000 đồng là có căn cứ. Về lãi suất Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà O khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật, nhưng do đã hết thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu tính lãi suất của bà T không được chấp nhận là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

[4] Đối với việc Bà Vũ Thị V đã gộp 02 giấy biên nhận vay tiền ngày 08-6-2009 khoản tiền 420.000.000 đồng của bà T cho bà O vay với giấy biên nhận vay tiền ngày 10-6-2009 khoản tiền 390.000.000 đồng (đã trả 7.850.000 đồng) bà O vay của Bà V chuyển thành hợp đồng vay tài sản ngày 19-4-2010 tổng cộng là 802.150.000 đồng mục đích để kinh doanh quy đổi số tiền vay bằng vàng 9999 tương đương 305 chỉ vàng không có thời hạn cho vay lãi suất 10.000.000 đồng/tháng. Số tiền 390.000.000 đồng (đã trả 7.850.000 đồng) Bà V đã khởi kiện và Tòa án đã tách ra giải quyết bằng vụ án khác nên không còn liên quan đến vụ án này.

[5] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của bà O, ông L không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị O và Ông Mai Văn L đều đã trên 60 tuổi và theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà O và ông L không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 471; Điều 474 và Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số: 03/2012/NQ - HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T .

Buộc Bà Trần Thị O phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

2. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và Bà Trần Thị O đều là người cao tuổi nên được miễn án phí. Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp (do Bà Vũ Thị V là người đại diện theo ủy quyền nộp thay) là 10.400.000 đồng (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 07712 ngày 10-11-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho Bà Trần Thị O và Ông Mai Văn L .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Giao Thủy;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lại Văn Tùng